

Số: 104 /2026/QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 29 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định hình thức, định mức hỗ trợ, quản lý, thanh toán và quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 193/2026/NĐ-CP ngày 01/6/2026 của Chính phủ quy định về quyết toán vốn đầu tư dự án;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 11700/TTr-STC ngày 28 tháng 8 năm 2026 về việc đề nghị phê duyệt Quyết định ban hành quy định hình thức, định mức hỗ trợ, quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định hình thức, định mức hỗ trợ, quản lý, thanh toán và quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định hình thức, định mức hỗ trợ, quản lý, thanh toán và quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 12/01/2023 của UBND tỉnh quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bảng hiện vật

hoặc bằng tiền) thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 129/2025/QĐ-UBND ngày 10/10/2025 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 11 Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 12/01/2023 của UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Dân tộc và Tôn giáo, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Y tế, Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XI; Chủ tịch UBND các xã, phường, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Bộ Tài chính (để b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp (để b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Các Ủy viên UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Quang Hùng

QUY ĐỊNH

Hình thức, định mức hỗ trợ, quản lý, thanh toán và quyết toán vốn đầu tư
nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện thuộc các
Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định hình thức, định mức hỗ trợ, quản lý, thanh toán và quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước đối với các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giao cho cộng đồng tự thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước đối với các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giao cho cộng đồng tự thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Chương II HÌNH THỨC, ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ

Điều 3. Hình thức, định mức hỗ trợ

1. Hình thức hỗ trợ: Ngân sách nhà nước hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật (vật liệu xây dựng) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giao cho cộng đồng tự thực hiện trên địa bàn tỉnh

2. Định mức hỗ trợ

a) Đối với dự án thực hiện trên địa bàn xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% tổng mức đầu tư.

b) Đối với dự án thực hiện trên địa bàn các xã còn lại: Ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần vốn trên tổng mức đầu tư; đồng thời, khuyến khích huy động tối đa sự tham gia, đóng góp tự nguyện của cộng đồng dân cư và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Chương III

QUẢN LÝ, THANH TOÁN, QUYẾT TOÁN

Điều 4. Lập, phân bổ kế hoạch vốn

1. Lập kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia có sự tham gia của cộng đồng thực hiện xây dựng công trình theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP.

2. Phân bổ vốn hàng năm thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia có sự tham gia của cộng đồng thực hiện xây dựng công trình theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 254/2025/NĐ-CP.

Điều 5. Hồ sơ kiểm soát, thanh toán vốn

1. Chủ đầu tư dự án mở tài khoản để thanh toán thực hiện theo quy định của Chính phủ về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước và của Bộ Tài chính về hướng dẫn đăng ký và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước.

2. Hồ sơ pháp lý của dự án đầu tư thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị định số 254/2025/NĐ-CP.

3. Tạm ứng vốn được thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 254/2025/NĐ-CP, trong đó, mức tạm ứng phải phù hợp nhu cầu thực hiện, tiến độ thi công, hình thức hỗ trợ, định mức hỗ trợ, khả năng quản lý của cộng đồng dân cư, bảo đảm sử dụng đúng mục đích và thu hồi tạm ứng khi thanh toán khối lượng hoàn thành theo tỷ lệ, thời điểm và điều kiện quy định tại hợp đồng, văn bản giao nhiệm vụ và Nghị định số 254/2025/NĐ-CP; không thực hiện tạm ứng đối với phần khối lượng, nội dung không có trong quyết định phê duyệt đầu tư, không có trong kế hoạch vốn được giao hoặc không thuộc phạm vi hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

4. Hồ sơ thanh toán khối lượng hoàn thành: Đối với khối lượng công việc hoàn thành thực hiện thông qua hợp đồng hoặc không thông qua hợp đồng thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều 8 Nghị định số 254/2025/NĐ-CP.

Điều 6. Quyết toán vốn đầu tư theo năm ngân sách (quyết toán theo niên độ)

1. Đối với vốn ngân sách nhà nước, các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan đến việc giải ngân vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước lập báo cáo quyết toán niên độ khi kết thúc năm ngân sách.

2. Trình tự, thời hạn lập, gửi, xét duyệt, thẩm định và ra thông báo thẩm định quyết toán theo năm ngân sách thực hiện theo Quyết định số 14/2026/QĐ-UBND ngày 03/3/2026 của UBND tỉnh quy định thời hạn gửi báo cáo quyết toán theo niên độ của chủ đầu tư, sở, ban thuộc UBND cấp tỉnh đối với vốn đầu tư

công thuộc ngân sách của UBND cấp tỉnh quản lý; trình tự, thời hạn lập, gửi, xét duyệt quyết toán theo niên độ vốn đầu tư công thuộc ngân sách của UBND cấp xã quản lý trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 7. Quyết toán vốn đầu tư dự án

1. Các dự án giao cho cộng đồng dân cư hưởng lợi trực tiếp tự thực hiện xây dựng công trình theo hình thức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa khi hoàn thành bàn giao đưa vào khai thác sử dụng phải lập báo cáo quyết toán và được thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án theo đúng chế độ quy định về quản lý tài chính hiện hành.

2. Lập báo cáo quyết toán, thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán; nội dung thẩm tra quyết toán; thời hạn quyết toán; chế độ báo cáo, kiểm tra và các nội dung có liên quan khác: thực hiện theo Nghị định số 193/2026/NĐ-CP.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. UBND xã, phường

a) Tổ chức triển khai thực hiện các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn cấp xã; quyết định lựa chọn cơ chế giao cho cộng đồng dân cư tự thực hiện dự án khi đáp ứng đủ điều kiện tại khoản 5 Điều 20 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP; quyết định mức vốn hỗ trợ cụ thể từ ngân sách nhà nước đối với từng dự án giao cho cộng đồng tự thực hiện trên cơ sở quy mô, địa bàn, nội dung, nhu cầu thực tế và khả năng huy động đóng góp tự nguyện của cộng đồng dân cư, các nguồn vốn hợp pháp khác bảo đảm thực hiện đúng mục tiêu, đối tượng, nội dung, hình thức hỗ trợ, định mức hỗ trợ, kế hoạch vốn được giao.

b) Chỉ đạo việc lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đơn giản; giao Ban phát triển thôn làm đầu mối thực hiện; quản lý chất lượng, nghiệm thu, tạm ứng, thanh toán, quyết toán và bàn giao, quản lý công trình theo quy định.

2. Chủ đầu tư

a) Chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng vốn đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả; tổ chức thực hiện công trình, giám sát quá trình thi công, tổ chức nghiệm thu, thanh toán đảm bảo đúng quy định; có trách nhiệm theo dõi riêng giá trị đóng góp của cộng đồng dân cư; bảo đảm các khoản đóng góp được sử dụng đúng mục đích, công khai, minh bạch.

b) Thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo quy định.

3. Ban Phát triển thôn

a) Ban Phát triển thôn làm đầu mối của cộng đồng dân cư thực hiện các nhiệm vụ được giao; chịu trách nhiệm trước UBND cấp xã, chủ đầu tư, cộng đồng dân cư về việc tổ chức triển khai thực hiện dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định.

b) Phối hợp với chủ đầu tư, phòng chuyên môn được giao thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp xã, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trong quá trình thi công, nghiệm thu, bàn giao, quản lý vận hành, bảo trì công trình theo quy định.

c) Thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo quy định.

4. Cơ quan Kho bạc Nhà nước

Chịu trách nhiệm hướng dẫn chủ đầu tư mở tài khoản tại cơ quan Kho bạc nhà nước; kiểm soát, thanh toán vốn kịp thời, đầy đủ cho nhiệm vụ, dự án theo đề nghị của chủ đầu tư trên cơ sở hồ sơ pháp lý, tạm ứng, thanh toán đảm bảo đầy đủ theo quy định tại Nghị định số 254/2025/NĐ-CP.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc, phát sinh đề nghị kịp thời phản ánh UBND tỉnh (qua Sở Tài chính) để được hướng dẫn hoặc tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, xử lý theo quy định.